

Số: /GPMT-BQL

Bình Định, ngày tháng 5 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 70/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh giải quyết một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND tỉnh Bình Định;

Xét Văn bản số 264/CV ngày 26/4/2025 của Công ty cổ phần giấy tissue Vạn Phát về việc bổ sung, chỉnh sửa nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất giấy tissue Vạn Phát và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần giấy tissue Vạn Phát, địa chỉ trụ sở chính: Tại lô E14.2, E15.2, Khu công nghiệp Nhơn Hòa, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Nhà máy sản xuất giấy tissue Vạn Phát, địa chỉ: Tại lô E14.2, E15.2, Khu công nghiệp Nhơn Hòa, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất giấy tissue Vạn Phát.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại lô E14.2, E15.2, Khu công nghiệp Nhơn Hòa, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4101652129 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp, đăng ký lần đầu ngày 24/02/2025.

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 106/QĐ-BQL do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 14/3/2025.

1.4. Mã số thuế: 4101652129.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm giấy tissue (giấy vệ sinh, giấy khăn ăn, giấy lau tay) từ bột Virgin Pulp (VP) tẩy trắng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích: 27.000 m², trong đó: Diện tích đất xây dựng các hạng mục công trình phục vụ dự án là 9.964 m²; diện tích đất trồng cây xanh, thảm cỏ là 5.523,29 m²; diện tích đất sân bãi, giao thông nội bộ là 6.857,71 m²; diện tích đất dự trữ là 4.655 m².

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025).

- Công suất: 30.000 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

Bột Virgin Pulp (VP) tẩy trắng → Băng tải → Hệ thống thủy lực → Lọc cát nồng độ cao → Nghiền đĩa → Tháp trữ bột → Bể phối trộn → Bể cấp máy xeo → Bơm quạt → Sàng áp lực → Hòm phun bột → Lưới hình thành → Ép giấy → Sấy giấy → Lô cuộn → Máy cắt cuộn → Bao gói, dán nhãn cân trọng lượng → Giấy thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần giấy tissue Vạn Phát:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần giấy tissue Vạn Phát có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để các chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc đầu nổi nước thải, xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế và Chính quyền địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu kinh tế để được xem xét, giải quyết.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 06 tháng 5 năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Đại diện Ban Quản lý tại Khu công nghiệp, Khu kinh tế căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- UBND xã Nhơn Thọ;
- Công ty TNHH ĐTHT KCN Nhơn Hòa;
- Công ty cổ phần giấy tissue Vạn Phát;
- Lãnh đạo Ban;
- VP Ban (để công khai trên cổng thông tin điện tử của Ban Quản lý KKT);
- Các Phòng: QLĐT, QLQHXD, QLDN;
- Đại diện Ban Quản lý;
- Lưu: VT, P.QLTNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thanh Nguyên

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 17/GPMT-BQL ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường vì toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa; toàn bộ lượng nước thải sản xuất được thu gom, xử lý, sau đó tuần hoàn tái sử dụng cho hoạt động sản xuất, lượng còn lại được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa (theo Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp Nhơn Hòa ngày 17/3/2025), không xả thải ra môi trường.

Vị trí hố ga đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa có tọa độ: $X = 1.530.429$, $Y = 587.444$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ} 15'$, múi chiều 3°).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, sau đó tự chảy theo đường ống uPCV D114mm về hố ga đặt tại từng khu nhà vệ sinh để lắng cặn. Nước thải sau khi lắng cặn được tiếp tục tự chảy theo đường ống HDPE D200mm về hố ga đối chứng bên trong mặt bằng dự án và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa.

+ Nước thải phát sinh từ các bồn rửa tay, nước thoát sàn nhà vệ sinh được thu gom, tách rác tại nguồn, sau đó tự chảy theo đường ống uPCV D114mm về hố ga để lắng cặn. Nước thải sau khi lắng cặn được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa theo tuyến ống HDPE D200mm nêu trên.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải phát sinh từ hệ thống máy móc, thiết bị sản xuất giấy được thu gom, tự chảy theo hệ thống rãnh thoát nước thải xung quanh khu vực lắp đặt máy móc, thiết bị (kích thước rộng 400mm x sâu 500mm) về hố ga đặt gần xưởng sản xuất, sau đó tự chảy theo đường ống HDPE D200mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình xả đáy nồi hơi được thu gom, tự chảy theo đường ống uPVC D150mm về hố ga đặt gần nhà lò hơi, sau đó tiếp tục tự chảy theo đường ống HDPE D200mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình súc rửa bộ làm mềm nước cấp lò hơi được thu gom, tự chảy theo đường ống uPVC D150mm về hố ga đặt gần nhà lò hơi nêu trên, sau đó tiếp tục tự chảy theo đường ống HDPE D200mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải lò hơi được thu gom, tự chảy theo đường ống uPVC D150mm về hố ga đặt gần nhà lò hơi nêu trên, sau đó tiếp tục tự chảy theo đường ống HDPE D200mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý.

* Nước thải sau xử lý được bơm theo đường ống uPVC D150mm để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất (lượng tái sử dụng khoảng 400 m³/ngày cho công đoạn rửa lưới, cấp bôi trơn cho máy móc, thiết bị), lượng còn lại khoảng 200 m³/ngày được bơm theo đường ống HDPE D200mm về hố ga đối chứng bên trong mặt bằng dự án và đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

a) Tóm tắt quy trình xử lý:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 03 nhà vệ sinh → 03 bể tự hoại 03 ngăn → 03 hố ga lắng cặn → Hố ga đối chứng → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa.

+ Nước thải phát sinh từ các bồn rửa tay, nước thoát sàn nhà vệ sinh → 03 hố ga lắng cặn → Hố ga đối chứng → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa.

- Nước thải sản xuất:

Nước thải sản xuất (từ hệ thống máy móc, thiết bị sản xuất giấy; từ quá trình xả đáy nồi hơi; từ quá trình súc rửa bộ làm mềm nước cấp lò hơi và từ quá trình xử lý khí thải lò hơi) → Mương đặt máy tách rác thô → Bể thu gom → Máy tách bột giấy → Bể điều hòa → Bể keo tụ, tạo bông → Bể tuyển nổi DAF → Bể trung gian 1 → Tháp giải nhiệt → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể chứa nước sau xử lý → Tái sử dụng cho hoạt động sản xuất, lượng còn lại đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa.

b) Công suất thiết kế của công trình, thiết bị xử lý:

- Nước thải sinh hoạt:

+ 01 bể tự hoại 03 ngăn tại khu nhà văn phòng, dung tích 03 m³.

+ 01 bể tự hoại 03 ngăn tại khu nhà vệ sinh phía Tây mặt bằng dự án, dung tích 05 m³.

+ 01 bể tự hoại 03 ngăn tại khu nhà vệ sinh phía Tây Nam mặt bằng dự án, dung tích 05 m³.

- Nước thải sản xuất: 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 600 m³/ngày đêm.

c) Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, axit, PAC, Polymer Anion, dinh dưỡng Nitơ, dinh dưỡng Phospho, Javel, Polymer Cation (hoặc các vật liệu, hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng, máy thổi khí. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và bảo trì hệ thống bơm, đường ống dẫn nước thải và các công trình, thiết bị khác của hệ thống xử lý nước thải tập trung, không để xảy ra tình trạng tắc nghẽn hoặc ngưng trệ hệ thống xử lý, không để rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường.

- Tổ chức vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật nhận chuyển giao từ đơn vị thiết kế, thi công.

- Các hồ ga, bể chứa nước thải phải luôn đảm bảo kín, không để phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Trường hợp xảy ra sự cố dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Khu công nghiệp Nhơn Hòa thì Chủ dự án phải chủ động đóng van xả nước thải ra hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp, lưu chứa tạm thời nước thải trong các bể thu gom, bể điều hòa và thực hiện ngay công tác kiểm tra, rà soát để xác định nguyên nhân xảy ra sự cố và khẩn trương thực hiện các biện pháp khắc phục.

Trường hợp sự cố kéo dài thì Chủ dự án phải tạm dừng các hoạt động có phát sinh nước thải để khắc phục sự cố. Sau khi hoàn thành việc khắc phục sự cố, bảo đảm an toàn và hệ thống xử lý đạt giá trị giới hạn cho phép đưa vào tái sử dụng, đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa thì mới được hoạt động trở lại các công đoạn sản xuất có phát sinh nước thải, không xả nước thải chưa xử lý đạt chuẩn ra môi trường.

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững các quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng và phải đảm bảo đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý chất thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử

lý nước thải tập trung, công suất 600 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí đầu vào tại Bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- 01 vị trí đầu ra tại hồ ga đối chứng bên trong mặt bằng dự án trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Khu công nghiệp Nhơn Hòa. Cụ thể:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
01	COD	mg/l	400	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
02	BOD ₅	mg/l	100		
03	TSS	mg/l	200		
04	Độ màu	Pt-Co	300		
05	pH	-	5-9		
06	Amoni	mg/l	30		
07	Tổng N	mg/l	80		
08	Tổng P	mg/l	16		
09	Coliform	Vi khuẩn/100ml	100.000		
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	20		

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8, Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 (việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra)).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2, phần B Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa và đáp ứng QCVN 12-MT:2015/BTNMT, cột B1 trước khi đưa vào tái sử dụng cho hoạt động sản xuất, không xả thải ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên, hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải, không để phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải theo quy định.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2025, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 (**Lưu ý:** Chủ dự án phải gửi thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm đến Ban Quản lý Khu kinh tế trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm và gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Ban Quản lý Khu kinh tế trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày).

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này hoặc xả nước thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 17/GPMT-BQL ngày 07 tháng 5 năm 2025
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

01 nguồn khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu vận hành lò hơi, công suất 12 tấn/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

01 dòng khí thải tại miệng ống thoát của hệ thống xử lý khí thải lò hơi, công suất 12 tấn/giờ, tọa độ: X = 1.530.306; Y = 587.504 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

Vị trí xả khí thải nằm trong mặt bằng dự án Nhà máy sản xuất giấy tissue Vạn Phát của Công ty cổ phần giấy tissue Vạn Phát tại lô E14.2, E15.2, Khu công nghiệp Nhơn Hòa, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 29.000 m³/giờ.**2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả thải liên tục 24/24 giờ.**

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B (hệ số Kp = 0,9; Kv = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
02	SO ₂	mg/Nm ³	450		
03	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	765		
04	CO	mg/Nm ³	900		
05	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		
06	Nhiệt độ	°C	-		

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu cấp cho lò hơi được thu gom vào hệ thống xử lý khí thải bằng đường ống thép không gỉ D900mm thông qua 01 quạt hút, công suất 55 kW.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải (hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 12 tấn/giờ):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Bộ hâm nước → Cyclon chùm → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống thoát → Thoát ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 29.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Ca(OH)₂ (hoặc các hóa chất khác tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.2.2, phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, tuân thủ các yêu cầu thiết kế; có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị của hệ thống xử lý khí thải để bị hư hỏng để kịp thời thay thế khi xảy ra sự cố; kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị của lò hơi và hệ thống xử lý khí thải nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả thu gom, xử lý khí thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi xả thải ra môi trường.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được nhà cung cấp chuyên giao.

- Trong quá trình hoạt động, khi có sự cố xảy ra liên quan đến các hoạt động phát sinh khí thải, Chủ dự án phải tạm dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, xác định nguyên nhân, sửa chữa, khắc phục kịp thời. Sau khi hoàn thành việc khắc phục sự cố, bảo đảm an toàn và hệ thống thu gom, xử lý khí thải hoạt động đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định thì mới được hoạt động trở lại, không gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững các quy trình vận hành của hệ thống xử lý khí thải; có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra; chịu trách nhiệm giám sát trong suốt quá trình vận hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng và phải đảm bảo đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý khí thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 12 tấn/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại lỗ lấy mẫu trên ống thoát của hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 12 tấn/giờ.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại mục 2.2.2, phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8, Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 (việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải (03 mẫu khí thải đầu ra)).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại mục 2.2.2, phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin trong suốt quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, trang thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý khí thải; đảm bảo ống thoát của hệ thống xử lý phải có điểm (cửa) lấy mẫu với đường kính hoặc độ rộng theo quy định, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng và bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu (Vị trí điểm lấy mẫu, đường kính hoặc độ rộng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021).

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại điểm 3.4, mục 3, phần B Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 17/GPMT-BQL ngày 07 tháng 5 năm 2025
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực hoạt động của quạt cấp gió tại hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- Nguồn số 02: Khu vực hoạt động của quạt hút tại hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- Nguồn số 03: Khu vực hoạt động của máy bơm tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 04: Khu vực hoạt động của máy thổi khí tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 05: Khu vực hoạt động của hệ thống máy móc, thiết bị xử lý bột giấy.
- Nguồn số 06: Khu vực hoạt động của hệ thống máy móc, thiết bị xeo giấy.

2. Tiếng ồn và độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn hệ thống máy móc, thiết bị của dự án để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 17/GPMT-BQL ngày 07 tháng 5 năm 2025
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
01	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	40
02	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	20
03	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	80
04	Ắc quy chì thải	19 06 01	50
Tổng cộng			190

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
01	Tro đáy, tro bay phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu cấp cho lò hơi	713.856
02	Nguyên liệu hư hỏng, sản phẩm không đạt chất lượng, quá hạn sử dụng, rơi vãi	283.920
03	Dây đai, dây kềm buộc nguyên liệu	113.622
04	Tạp chất khác (đinh, nhựa phế liệu, sắt thép phế liệu...)	56.811
05	Bùn từ bể tự hoại	6.240
06	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	20.062
07	Bùn thải tại bể lắng nước thải phát sinh từ tháp hấp thụ khí thải lò hơi	14.040
Tổng cộng		1.208.551

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: Khoảng 20 tấn/năm.

- Chủng loại: Chủ yếu là bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa và các loại chất thải rắn khác phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, công nhân làm việc tại dự

án.

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
01	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác); giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	100
02	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	1.700
03	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 01	500
Tổng cộng			2.300

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa: Xây dựng 01 kho chứa, diện tích 09 m² tại vị trí phía Tây Nam mặt bằng để lưu chứa chất thải nguy hại.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Nền bê tông chống thấm, kín khí, không bị thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; gờ chống tràn đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái che kín nắng, mưa; biển dấu hiệu cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); bên trong dán mã chất thải, nhãn cảnh báo và bố trí thùng chuyên dụng để phân loại, lưu chứa chất thải; trang bị thiết bị, dụng cụ PCCC theo quy định của pháp luật về PCCC, vật liệu hấp phụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng... theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích kho chứa/khu vực lưu chứa:

+ Bố trí 01 khu vực bên trong nhà lò hơi, diện tích 15 m² để lưu chứa tro đáy, tro bay phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu cấp cho lò hơi.

+ Xây dựng 01 nhà chứa bùn, có diện tích 15,5 m² tại khu xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung để lưu chứa bùn thải (sau khi ép) phát sinh từ quá trình xử lý nước thải sản xuất.

+ Xây dựng 01 kho chứa, diện tích 09 m² tại vị trí phía Tây Nam mặt bằng để lưu chứa các thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường còn lại như: Dây đai, dây kẽm buộc nguyên liệu, nguyên liệu hư hỏng, sản phẩm không đạt chất lượng, quá hạn sử dụng, rơi vãi, đinh, nhựa phế liệu, sắt thép phế liệu,...

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Mặt sàn đảm bảo kín khí, không bị thấm thấu, rạn nứt; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, không để nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; che chắn xung quanh không để bụi phát tán ra môi trường hoặc chảy tràn chất thải ra ngoài mặt

bằng;...

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy, đặt tại các khu vực xưởng sản xuất, nhà văn phòng,... để phân loại, đảm bảo lưu chứa toàn bộ lượng chất thải phát sinh.

- Không bố trí kho lưu chứa riêng. Các thành phần chất thải có khả năng tái chế được thu gom, lưu chứa chung tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường nêu trên.

* Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố hóa chất và các sự cố khác liên quan theo quy định pháp luật.

2. Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường, Chủ dự án phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan có liên quan để được hướng dẫn giải quyết. Trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến kinh tế, môi trường, Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục, đền bù thiệt hại.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 17/GPMT-BQL ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

1. Công khai Giấy phép môi trường của dự án trên cổng thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND xã Nhơn Thọ trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường này.
2. Trồng và duy trì chăm sóc cây xanh trên mặt bằng luôn đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy hoạch đã được Ban Quản lý Khu kinh tế duyệt.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
4. Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp, không để phát tán chất thải không đạt quy chuẩn cấp phép ra môi trường.
5. Các loại chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải để lưu giữ trong các thiết bị lưu chứa phù hợp; đối với chất thải công nghiệp phải kiểm soát, trường hợp chưa được phân định thì phải thực hiện quản lý như chất thải nguy hại. Được sử dụng chung thiết bị lưu chứa đối với các mã chất thải nguy hại có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp; thực hiện lưu giữ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.
6. Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý, sử dụng hóa chất và PCCC; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động và thực hiện đầy đủ các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.
7. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong quá trình vận hành dự án.
8. Phải có biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình sản xuất, xử lý nước thải và lưu giữ chất thải.
9. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định mới./.